CBEST
TRUNG TÂM KHCN Y SINH VÀ MÔI TRƯỜNG

TRUNG TÂM KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
Y SINH VÀ MÔI TRƯỜNG
PHÒNG PHÂN TÍCH VÀ QUAN TRẮC (VILAS 1618)
**Địa chỉ/Address**: 54A, Ngõ 603 Lạc Long Quân, Tây Hồ, Hà Nội
**Tel**: 084 218 5555 | **Email**: cbestvietnam@gmail.com | **Web:** cbestlab.vn

# PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

*TEST REPORT*

Số: 260929.001/2026/PKQ (NU.261005.002)

| | |
|---|---|
| **Tên khách hàng**<br>*Customer name* | TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ VÀ TRUNG HỌC PHỔ THÔNG NGUYỄN TẤT THÀNH |
| **Địa chỉ**<br>*Customer address* | Số 136 đường Xuân Thủy, Phường Cầu Giấy, TP Hà Nội, Việt Nam |
| **Loại mẫu**<br>*Sample type* | Nước uống |
| **Tên vị trí**<br>*Sampling location* | Mẫu nước uống trực tiếp tại nhà ăn tầng 5 |
| **Mô tả mẫu**<br>*Sample description* | Bảo quản lạnh; Hãm hoá chất |
| **Ngày lấy mẫu**<br>*Date of sampling* | 05/10/2026 |
| **Thời gian thử nghiệm**<br>*Testing Period* | 05/10/2026 - 29/10/2026 |

VILAS 1618

| TT<br>*No.* | Chỉ tiêu<br>*Parameter* | Phương pháp thử<br>*Test method* | Đơn vị<br>*Unit* | Kết quả<br>*Results* | Giới hạn tham khảo[a]<br>*Reference limit* |
|---|---|---|---|---|---|
| 1 | Stibi (Sb) | TCVN 13092:2020 | mg/L | < 0,0010 | 0,02 |
| 2 | Arsenic (As) | TCVN 13092:2020 | mg/L | 0,0001 | 0,01 |
| 3 | Bari (Ba) | TCVN 13092:2020 | mg/L | < 0,0010 | 0,7 |
| 4 | Bor (B) | CBEST.01-G01.054:2025 | mg/L | < 0,0200 | 0,5 |
| 5 | Bromat ($BrO_3^-$) | EPA Method 300.1, Revision 1.0, 1997 | mg/L | <0,007 | 0,01 |
| 6 | Cadmi (Cd) | TCVN 13092:2020 | mg/L | < 0,0001 | 0,003 |
| 7 | Clor | HACH METHOD 8167:2022 | mg/L | < 0,20 | 5 |
| 8 | Clorat ($ClO_3^-$) | EPA Method 300.1, Revision 1.0, 1997 | mg/L | <0,06 | 0,7 |
| 9 | Clorit ($ClO_2^-$) | EPA Method 300.1, Revision 1.0, 1997 | mg/L | <0,06 | 0,7 |
| 10 | Crom tổng số (Cr) | TCVN 13092:2020 | mg/L | < 0,0010 | 0,05 |
| 11 | Đồng (Cu) | TCVN 13092:2020 | mg/L | 0,0017 | 2 |
| 12 | Cyanid ($CN^-$) | SMEWW 4500-CN- A, B, C, E:2023 | mg/L | <0,01 | 0,07 |
| 13 | Fluorid ($F^-$) | SMEWW 4500 F:2023 | mg/L | <0,15 | 1,5 |
| 14 | Chì (Pb) | TCVN 13092:2020 | mg/L | 0,0002 | 0,01 |

*1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/Test report is valid only for the sample specified above.*
*2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm khoa học Công nghệ Y sinh và Môi trường/Partial reproduction of this report is not allowed without the written permission of CBEST.*
*3. Tên vị trí và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng/Sampling location and customer name are recorded as requested by the customer.*

| TT<br>*No.* | Chỉ tiêu<br>*Parameter* | Phương pháp thử<br>*Test method* | Đơn vị<br>*Unit* | Kết quả<br>*Results* | Giới hạn tham khảo[a]<br>*Reference limit* |
|---|---|---|---|---|---|
| 15 | Mangan (Mn) | TCVN 13092:2020 | mg/L | 0,0051 | 0,4 |
| 16 | Thủy ngân (Hg) | EPA Method 6020B, Revision 2, 2014 | mg/L | <0,0005 | 0,006 |
| 17 | Molybden (Mo) | TCVN 13092:2020 | mg/L | < 0,0010 | 0,07 |
| 18 | Nickel (Ni) | TCVN 13092:2020 | mg/L | < 0,0010 | 0,07 |
| 19 | Nitrat ($NO_3^-$) | SMEWW 4500 NO3-.B.:2023 | mg/L | <0,05 | 50 |
| 20 | Nitrit ($NO_2^-$) | TCVN 6178:1996 | mg/L | <0,01 | 3 |
| 21 | Selen (Se) | TCVN 13092:2020 | mg/L | < 0,0010 | 0,01 |
| 22 | *E.coli* | TCVN 6187-1:2019 | CFU/250mL | KPH (LOD=1) | < 1 |
| 23 | Coliform tổng số | TCVN 6187-1:2019 | CFU/250mL | KPH (LOD=1) | < 1 |
| 24 | *Streptococci feacal* | TCVN 6189-2:2009 | CFU/250mL | KPH (LOD=1) | < 1 |
| 25 | *Pseudomonas aeruginosa* | TCVN 8881:2011 | CFU/250mL | KPH (LOD=1) | < 1 |
| 26 | Bào tử vi khuẩn kị khí khử sulfit | TCVN 6191-2:1996 | CFU/50mL | KPH (LOD=1) | < 1 |

**Ghi chú/*Remarks:***

- *KPH: Không phát hiện*
- *LOD: Limit of Detection – Giới hạn phát hiện*
- *(a) QCVN 6-1:2010/BYT ban hành kèm theo Thông tư số 34/2010/TT-BYT ngày 02/6/2010 của Bộ Y tế ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với nước khoáng thiên nhiên và nước uống đóng chai.*

*Hà Nội, ngày 29 tháng 10 năm 2026*

**PHÒNG PHÂN TÍCH VÀ QUAN TRẮC**
*Dept. of Analysis and Monitoring*

**NGUYỄN PHAN HỒNG ANH**

**GIÁM ĐỐC**
*Director*

TỔ CHỨC KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
TRUNG TÂM KHOA HỌC CÔNG NGHỆ Y SINH VÀ MÔI TRƯỜNG
Q. TÂY HỒ - T.P HÀ NỘI

**HỒNG QUANG THỐNG**

*1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/Test report is valid only for the sample specified above.*
*2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm khoa học Công nghệ Y sinh và Môi trường/Partial reproduction of this report is not allowed without the written permission of CBEST.*
*3. Tên vị trí và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng/Sampling location and customer name are recorded as requested by the customer.*